TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29-4-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Dũng.

Bà Lê Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hoàng D - Sinh năm: 1972; địa chỉ: 281/27 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Minh V - Sinh năm: 1973; nơi cư trú cuối cùng: số nhà 281/27 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre; đã mất tích.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 10 năm 2017, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn là Bà Nguyễn Hoàng D (sau đây gọi tắt là bà D) trình bày:

Bà D và ông Lê Minh V tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 14/02/2000 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới ông bà cùng chung sống tại địa chỉ: 281/27 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Thời gian chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm, sau đó thì xảy ra mâu thuẩn. Đến tháng 10 năm 2010 cho đến nay ông V bỏ địa phương đi mà không có tin tức gì về cho gia đình. Vào tháng

7 năm 2019 bà D có yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tuyên bố ông V mất tích nhưng vẫn không có tin tức gì của ông V. Đến ngày 06 tháng 01 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đã tuyên bố ông Lê Minh V mất tích theo Quyết định số: 02/2020/QĐDS-ST. Nay bà D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách giải quyết cho bà được ly hôn với ông V, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

+ *Về con chung*: Bà D yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi hai người con chung giữa bà và ông V là Lê Hoàng Ái N1 - Sinh ngày: 28/6/2003 và Lê Hoàng Ái N2 - Sinh ngày: 03/4/2009 (hiện đang sống chung với bà D và có nguyện vọng được sống chung với bà D), không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản và nợ:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn là ông Lê Minh V đã mất tích, nên không có lời trình bày của đương sự này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Hoàng D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* với ông Lê Minh V, đây là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà D có địa chỉ và ông V có nơi cư trú cuối cùng thuộc huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà D và ông V tự nguyện kết hôn với nhau và có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 14 tháng 02 năm 2000. Bà D và ông V chung sống hạnh phúc được khoảng mười năm, đến tháng 10 năm 2010 thì ông V bỏ địa phương đi không có tin tức gì về cho gia đình. Mặc dù bà D đã đăng tin trên báo, đài để tìm kiếm ông V và tiếp đó là yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tuyên bố ông V mất tích, nhưng vẫn không có tin tức gì của ông V. Căn cứ vào Quyết định số: 02/2020/QĐDS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách về việc tuyên bố ông Lê Minh V mất tích, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông V là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Xét yêu cầu của bà D về việc nuôi con thấy rằng, sau khi ông V bỏ địa phương đi từ tháng 10 năm 2010 cho đến nay thì bà D là người trực tiếp nuôi dưỡng hai người con tên Lê Hoàng Ái N1 - Sinh ngày: 28/6/2003 và Lê Hoàng Ái N2 - Sinh ngày: 03/4/2009 (hai người con này cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà D); do vậy cần giao Lê Hoàng Ái N1 và Lê Hoàng Ái N2 cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về chia tài sản, nợ: Bà D xác định ông và ông V không có tài sản chung và không có nợ của ai khoản nợ nào. Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản, nợ nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Hoàng D phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (về việc ly hôn) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Hoàng D được ly hôn với ông Lê Minh V.

2/ *Về con:*

- Giao cho Bà Nguyễn Hoàng D được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi hai người con chung giữa bà với ông Lê Minh V là Lê Hoàng Ái N1 - Sinh ngày: 28/6/2003 và Lê Hoàng Ái N2 - Sinh ngày: 03/4/2009 (hai người con này hiện đang sống chung và có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà Nguyễn Hoàng D).

- Bà Nguyễn Hoàng D không yêu cầu ông Lê Minh V cấp dưỡng nuôi con.

- Ông Lê Minh V có quyền thăm nom con; không ai được cản trở ông V thực hiện quyền này. Trong trường hợp ông V lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì bà D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông V.

- Vì lợi ích của con chung, bà Nguyễn Hoàng D, ông Lê Minh V hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản, về nợ: Ông Lê Minh V đã mất tích; Bà Nguyễn Hoàng D không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và xác định là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Hoàng D phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007031 ngày 31 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; Bà Nguyễn Hoàng D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Bà Nguyễn Hoàng D quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Bà Nguyễn Hoàng D (01 bản);
- Ông Lê Minh V (01 bản);
- UBND xã B, huyện C (01 bản);
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C, tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án(01 bản), Vp(01 bản), Bp(01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyền